BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 867 /TB-ĐHCN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO
Tuyển sinh Đại học hệ chính quy năm 2026

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026.

1. Nguyên tắc chung

Tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội tối đa cho thí sinh, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

2. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông.

3. Phương thức xét tuyển

3.1 Tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1 Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1.2 Phương thức 2: Xét tuyển kết hợp.

a) Sử dụng các kết quả sau để xét tuyển:

- Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp môn (TN);

- Kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026 (ĐGNL);

- Kết quả học tập THPT năm lớp 12, theo tổ hợp môn (HB).

b) Thang điểm: 30 điểm

c) Nguyên tắc tính điểm:

Điểm xét tuyển của thí sinh được xác định theo công thức:

$Đ_{XT}$ =Max(XT_1;XT_2;XT_3), các giá trị của XT_1, XT_2, XT_3 được xác định như sau:

$XT_1 = 0.7*Đ_K + 0.3*Đ_{HB} + Đ_{(Kv;Đt)} + Đ_C$ (nếu có);

$XT_2 = Đ_{TN} + Đ_{(Kv;Đt)} + Đ_C$ (nếu có);

$XT_3 = Đ_{ĐGNL} + Đ_{(Kv;Đt)} + Đ_C$ (nếu có).

Trong đó:

- $Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển;

- $Đ_{TN}$: Tổng điểm của 3 môn thi TN, trong tổ hợp xét tuyển;

- $Đ_{ĐGNL}$: Điểm ĐGNL, quy đổi ra thang điểm 30 theo công thức:

$$Đ_{ĐGNL} = \frac{(\text{Kết quả thi đánh giá năng lực})x30}{Đ_{TK}};$$

- $Đ_{HB}$: Tổng điểm của 3 môn HB, trong tổ hợp xét tuyển;

- $Đ_K = \text{Max}(Đ_{TN}, Đ_{ĐGNL})$;

- $Đ_{TK}$: Điểm cao nhất trong kỳ thi đánh giá năng lực (Điểm thủ khoa của kỳ thi đánh giá năng lực năm 2026);

- $Đ_{(Kv;\ Đt)}$: Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- $Đ_C$: Điểm cộng (bao gồm: Điểm thưởng, Điểm xét thưởng; Điểm khuyến khích).

Lưu ý:

- Điểm thưởng, dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Điểm xét thưởng, dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích nổi bật hoặc có năng khiếu đặc biệt (chi tiết đối tượng và mức điểm xét thưởng được quy định tại **Phụ lục 1** của Thông báo này);

- Điểm khuyến khích, dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ (chi tiết chứng chỉ và mức điểm khuyến khích được quy định tại **Phụ lục 2** của Thông báo này);

- Thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành/nhóm ngành có môn tiếng Anh là môn bắt buộc trong tổ hợp xét tuyển, nếu có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định nhưng không tham dự môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT, Nhà trường sẽ quy đổi điểm từ chứng chỉ thay cho môn tiếng Anh để tính điểm xét tuyển. Trường hợp này, thí sinh không được cộng điểm khuyến khích.

3.2. Tại Phân hiệu Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

Sử dụng các phương thức xét tuyển như Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Thí sinh trúng tuyển tại Phân hiệu Quảng Ngãi học theo lộ trình: 2 năm đầu tại Phân hiệu Quảng Ngãi, các năm còn lại học tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian theo học 2 năm tại Phân hiệu Quảng Ngãi, sinh viên được giảm 50% học phí và được hưởng mọi quyền lợi như sinh viên ở Trụ sở chính.

4. Ngành/nhóm ngành, tổ hợp xét tuyển

a) Ngành/nhóm ngành xét tuyển tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh

Stt	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp (gồm 3 môn)	
		Chương trình chuẩn	Chương trình tăng cường tiếng Anh	Môn bắt buộc	Môn tự chọn (Chọn 1 môn trong nhóm môn tự chọn)
1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử gồm 03 chuyên ngành: - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử*; - Năng lượng tái tạo; - Điện hạt nhân.	7510301	7510301C	Toán, Vật lí	Nhóm môn TC1
2	Tự động hóa gồm 02 chuyên ngành: - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa*; - Robot và hệ thống điều khiển thông minh.	7510303	7510303C		
3	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông gồm 04 chuyên ngành: - Điện tử công nghiệp; - Kỹ thuật viễn thông*; - IOT và Trí tuệ nhân tạo ứng dụng; - Kỹ thuật Radar - Dẫn đường (mới).	7510302	7510302C	Toán, Vật lí	Nhóm môn TC1
4	Kỹ thuật máy tính gồm 02 chuyên ngành: - Công nghệ kỹ thuật máy tính; - Kỹ thuật thiết kế vi mạch.	7480108	7480108C		
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	7510201C	Toán, Vật lí	Nhóm môn TC1
6	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử*	7510203	7510203C		
7	Công nghệ chế tạo máy	7510202	7510202C		
8	Công nghệ kỹ thuật ô tô gồm 02 chuyên ngành: - Công nghệ kỹ thuật ô tô; - Công nghệ kỹ thuật ô tô điện.	7510205	7510205C	Toán, Vật lí	Nhóm môn TC1
9	Công nghệ kỹ thuật nhiệt gồm 03 chuyên ngành: - Công nghệ kỹ thuật nhiệt; - Công nghệ kỹ thuật năng lượng; - Quản lý năng lượng.	7510206	7510206C	Toán, Vật lí	Nhóm môn TC1

Stt	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp (gồm 3 môn)	
		Chương trình chuẩn	Chương trình tăng cường tiếng Anh	Môn bắt buộc	Môn tự chọn (Chọn 1 môn trong nhóm môn tự chọn)
10	Kỹ thuật xây dựng	7580201		Toán, Vật lí	Nhóm môn TC1
11	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông gồm 02 chuyên ngành: - Xây dựng cầu đường; - Kỹ thuật công trình đường sắt (mới).	7580205			
12	Quản lý xây dựng	7580302			
13	Nhóm ngành Công nghệ thông tin gồm 04 ngành: - Công nghệ thông tin; - Kỹ thuật phần mềm**; - Khoa học máy tính; - Hệ thống thông tin***; - Và 02 chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo; Khoa học dữ liệu.	7480201		Toán, Vật lí	Nhóm môn TC1
				Toán, Ngữ văn	Nhóm môn TC12
14	Nhóm ngành Công nghệ thông tin Chương trình tăng cường tiếng Anh gồm 04 ngành: - Công nghệ thông tin; - Kỹ thuật phần mềm; - Khoa học máy tính; - Hệ thống thông tin - Và 01 chuyên ngành: Khoa học dữ liệu.		7480201C	Toán, Vật lí	Nhóm môn TC1
				Toán, Ngữ văn	Nhóm môn TC12
15	Công nghệ dệt, may	7540204		Toán, Ngữ văn	Nhóm môn TC2
16	Thiết kế thời trang	7210404			
17	Công nghệ hóa học gồm 03 chuyên ngành: - Công nghệ kỹ thuật hóa học*; - Kỹ thuật hóa phân tích; - Công nghệ hóa dược.	7510401	7510401C	Toán, Hóa học	Nhóm môn TC3
18	Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm	7540106			
19	Công nghệ thực phẩm*	7540101	7540101C		
20	Dược học	7720201			

Stt	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp (gồm 3 môn)	
		Chương trình chuẩn	Chương trình tăng cường tiếng Anh	Môn bắt buộc	Môn tự chọn (Chọn 1 môn trong nhóm môn tự chọn)
21	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	7720402		Toán, Hóa học	Nhóm môn TC3
				Toán, Sinh học	Nhóm môn TC5
22	Công nghệ sinh học*	7420201	7420201C	Toán, Sinh học	Nhóm môn TC5
23	Quản lý đất đai gồm 02 chuyên ngành: - Quản lý đất đai; - Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.	7850103		Toán, Địa lí	Nhóm môn TC4
24	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101		Toán, Ngữ văn	Nhóm môn TC10
25	Công nghệ kỹ thuật môi trường*	7510406		Toán, Hóa học	Nhóm môn TC3
26	Kế toán*	7340301	7340301C	Toán, Ngữ văn	Nhóm môn TC6
27	Kiểm toán*	7340302	7340302C		
28	Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế Advanced Diploma in Accounting & Business của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA)		7340301Q		
29	Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế CFAB của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW)		7340302Q		
30	Tài chính ngân hàng gồm 02 chuyên ngành: - Tài chính; - Ngân hàng.	7340201	7340201C		
31	Công nghệ tài chính	7340205	7340205C		

Stt	Tên ngành/ Nhóm ngành	Mã ngành		Tổ hợp (gồm 3 môn)	
		Chương trình chuẩn	Chương trình tăng cường tiếng Anh	Môn bắt buộc	Môn tự chọn (Chọn 1 môn trong nhóm môn tự chọn)
32	Quản trị kinh doanh gồm 02 chuyên ngành: - Quản trị kinh doanh; - Quản trị nguồn nhân lực.	7340101	7340101C	Toán, Ngữ văn	Nhóm môn TC6
33	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	7510605C		
34	Marketing gồm 02 chuyên ngành: - Marketing*; - Digital Marketing.	7340115	7340115C		
35	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành gồm 03 chuyên ngành: - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; - Quản trị khách sạn; - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống.	7810103	7810103C	Toán, Tiếng Anh	Nhóm môn TC7
36	Kinh doanh quốc tế*	7340120	7340120C		
37	Thương mại điện tử	7340122	7340122C		
38	Ngôn ngữ Anh	7220201		Ngữ văn, Tiếng Anh	Nhóm môn TC8
39	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204			
40	Luật kinh tế	7380107	7380107C	Toán, Tiếng Anh	Nhóm môn TC9
				Ngữ văn, Lịch sử	Nhóm môn TC11

Lưu ý:

- Ngành dấu * có đào tạo thêm chương trình Tiếng Anh toàn phần;

- Ngành dấu ** có đào tạo thêm chương trình Kỹ sư/Cử nhân tài năng;

- Ngành dấu *** có đào tạo thêm chương trình Tiếng Anh toàn phần và chương trình Kỹ sư/Cử nhân tài năng.

b) Nhóm ngành/ngành xét tuyển tại Phân hiệu tỉnh Quảng Ngãi

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp (gồm 3 môn)	
			Môn bắt buộc	**Môn tự chọn** (Chọn 1 môn trong nhóm môn tự chọn)
1	Kế toán	7340301	Toán, Ngữ văn	Nhóm môn TC6
2	Quản trị kinh doanh	7340101		
3	Công nghệ thông tin	7480201	Toán,Vật lí	Nhóm môn TC1
			Toán, Ngữ văn	Nhóm môn TC12
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Toán, Vật lí	Nhóm môn TC1
5	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205		
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301		

c) Danh sách các môn trong các nhóm tự chọn

Nhóm môn TC1: Ngữ văn; Tiếng Anh; Hóa học; Công nghệ công nghiệp; Tin học; GD Kinh tế - Pháp luật.

Nhóm môn TC2: Vật lí; Hóa học; Tin học; Tiếng Anh; Công nghệ công nghiệp.

Nhóm môn TC3: Vật lí; Sinh học; Ngữ văn; Công nghệ công nghiệp; Tiếng Anh.

Nhóm môn TC4: Ngữ văn; Tiếng Anh; Hóa học; Sinh học; Công nghệ nông nghiệp; GD Kinh tế - Pháp luật.

Nhóm môn TC5: Vật lí; Hóa học; Ngữ văn; Tiếng Anh; Công nghệ nông nghiệp; GD Kinh tế - Pháp luật.

Nhóm môn TC6: Tiếng Anh; Vật lí; Địa lí; Lịch sử; GD Kinh tế - Pháp luật; Tin học.

Nhóm môn TC7: Ngữ văn; Vật lí; Địa lí; Lịch sử; GD Kinh tế - Pháp luật; Tin học.

Nhóm môn TC8: Toán; Lịch sử; Địa lí; GD Kinh tế - Pháp luật.

Nhóm môn TC9: Ngữ văn; Lịch sử; Địa lí; GD Kinh tế - Pháp luật; Vật lí; Tin học.

Nhóm môn TC10: Tiếng Anh; GD Kinh tế - Pháp luật, Vật lí, Hóa học, Địa lí, Công nghệ nông nghiệp; Sinh học.

Nhóm môn TC11: Toán; Địa lí; GD Kinh tế - Pháp luật; Vật lí; Tin học; Tiếng Anh.

Nhóm môn TC12: Hóa học; Tin học; Tiếng Anh; Công nghệ công nghiệp; GD Kinh tế - Pháp luật.

5. Thủ tục đăng ký và thời gian nhận hồ sơ

- Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khi đăng ký, thí sinh lựa chọn mã tuyển sinh của Trường tương ứng với cơ sở đào tạo, cụ thể:

+Mã trường là **IUH** khi thí sinh đăng ký xét tuyển vào Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh;

+Mã trường là **IUQ** khi thí sinh đăng ký xét tuyển vào Phân hiệu tại Quảng Ngãi.

- Ngoài việc đăng ký nguyện vọng trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thí sinh thuộc các trường hợp sau phải nộp bổ sung hồ sơ về Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh:

5.1. Diện xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Thời gian nộp hồ sơ: Từ ngày ra Thông báo đến trước 17g00 ngày 30/6/2026.

b) Hình thức đăng ký: Thí sinh nộp hồ sơ về Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, mẫu hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Diện điểm cộng (điểm thưởng, điểm xét thưởng và điểm khuyến khích)

a) Thời gian nộp hồ sơ sơ tuyển: Từ ngày ra Thông báo đến trước 17g00 ngày 30/6/2026.

b) Hồ sơ sơ tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký sơ tuyển (thí sinh bắt buộc khai báo trên trang tuyển sinh theo địa chỉ: www.tuyensinh.iuh.edu.vn, sau đó thực hiện theo hướng dẫn để in phiếu đăng ký sơ tuyển);

- 01 Bản photocopy thẻ căn cước;

- Lệ phí sơ tuyển: 50.000 đồng/thí sinh;

- Giấy tờ minh chứng cho diện cộng điểm xét tuyển (bản photocopy có công chứng).

Lưu ý:

+ Đối với học sinh các trường THPT có ký kết hợp tác với Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, phải có thư giới thiệu (bản chính) của Hiệu trưởng (hoặc Hiệu phó phụ trách) trường THPT;

+ Đối với thí sinh có học lực lớp 10, 11 và 12 đều đạt loại giỏi: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước, cần nộp bản photocopy học bạ THPT (đầy đủ 3 năm lớp 10, 11 và 12) có công chứng; thí sinh tốt nghiệp năm 2026 nộp bản photocopy học bạ THPT (đầy đủ 3 năm lớp 10, 11 và 12).

6. Thông tin liên hệ, cách thức nộp hồ sơ sơ tuyển

a) Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh

- Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường hoặc qua đường bưu điện (mốc thời gian gửi hồ sơ sẽ tính theo dấu bưu điện), theo địa chỉ: Bộ phận tuyển sinh - Phòng Đào tạo, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: (028) 3895 5858; (028) 3985 1932; (028) 3985 1917.

- Email: tuyensinh@iuh.edu.vn; Website: www.tuyensinh.iuh.edu.vn.

- Fanpage: www.facebook.com/tuyensinhdaihoccongnghieptphcm.

- Zalo: 0983375439.

*** Lưu ý:** Thí sinh thực hiện nộp lệ phí bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Trường theo thông tin sau:

- Tên đơn vị thụ hưởng (người nhận): Truong Dai Hoc Cong Nghiep TPHCM.

- Số tài khoản: 1610 333 333 333 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), chi nhánh Bình Phú.

- Địa chỉ: số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Phân hiệu Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

- Thí sinh nộp hồ sơ sơ tuyển tại Phân hiệu, theo địa chỉ: Phòng Hành chính - Giáo vụ, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh - Phân hiệu tại Quảng Ngãi, số 938 đường Quang Trung, Phường Cẩm Thạch, Tỉnh Quảng Ngãi. Nộp qua đường bưu điện (mốc thời gian gửi hồ sơ sẽ tính theo dấu bưu điện) theo địa chỉ trên. Hồ sơ nộp giống như tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại liên hệ: (0255) 625 0075; (0255) 222 2135; 0916 222 135./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Các đơn vị đào tạo;
- Đăng Website Trường;
- Đăng Fanpage Trường;
- Lưu: VT, ĐT, PHQN.

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Phan Hồng Hải

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM XÉT THƯỞNG

(Kèm theo Thông báo số 867/TB-ĐHCN ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Đối tượng	Điểm xét thưởng (tối đa)
1	Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh/thành phố; kỳ thi Olympic các môn văn hoá (môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển của ngành xét tuyển).	Đạt giải nhì trở lên: 1.50 điểm
		Các giải còn lại: 1.25 điểm
2	Học sinh đạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố (đề tài/môn đạt giải phải phù hợp với ngành đăng ký xét tuyển).	Đạt giải nhì trở lên: 1.50 điểm
		Các giải còn lại: 1.25 điểm
3	Học sinh có học lực ba năm lớp 10, 11, 12 xếp loại giỏi.	1.25 điểm
4	Học sinh đạt thành tích nổi bật khác (được các tổ chức xác nhận).	0.75 điểm
5	Học sinh các trường THPT có ký kết hợp tác với IUH. Danh mục các trường THPT có ký kết hợp tác với IUH thí sinh tra cứu theo link: https://tuyensinh.iuh.edu.vn. Thí sinh phải có giấy giới thiệu của Hiệu trưởng.	1.25 điểm
6	Học sinh trường chuyên/trường năng khiếu (danh sách các trường chuyên, trường năng khiếu tra cứu theo link: https://tuyensinh.iuh.edu.vn.	1.50 điểm
7	Học sinh trường THPT thuộc các trường Top có chất lượng tốt dựa trên điểm đầu vào năm lớp 10, kết quả phân tích chất lượng học tập tại IUH, kết quả đối sánh giữa điểm học bạ THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT, danh mục các trường THPT thuộc Top. Thí sinh tra cứu theo link, tại địa chỉ https://tuyensinh.iuh.edu.vn.	Mức 1: 1.25 điểm
		Mức 2: 1.00 điểm
		Mức 3: 0.75 điểm

Lưu ý: Trường hợp thí sinh có nhiều thành tích, điểm xét thưởng sẽ được tính cho tất cả các thành tích nhưng tổng điểm không quá 1.5 điểm.

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC CHỨNG CHỈ ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM KHUYẾN KHÍCH HOẶC QUY ĐỔI MÔN TIẾNG ANH

(Kèm theo Thông báo số 867/TB-ĐHCN ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

1. Mức điểm khuyến khích

Điểm chứng chỉ IELTS	**IELTS 4.5**	**IELTS 5.0**	**IELTS 5.5**	**IELTS 6.0**	**IELTS≥6.5**
Điểm khuyến khích	0.50	0.75	1.00	1.25	1.50

2. Mức điểm quy đổi môn tiếng Anh

Điểm chứng chỉ IELTS	**IELTS 4.5**	**IELTS 5.0**	**IELTS 5.5**	**IELTS 6.0**	**IELTS≥6.5**
Quy đổi môn Tiếng Anh	**8.00**	**8.50**	**9.00**	**9.50**	**10.00**

3. Các chứng chỉ ngoại ngữ khác được quy đổi về chứng chỉ IELTS.

Chứng chỉ	**Thang điểm**				
IELTS	**4.5**	**5.0**	**5.5**	**6.0**	**6.5**
TOEIC (4 kỹ năng)	- Điểm nghe: **337** - Điểm đọc: **330** - Điểm viết: **135** - Điểm nói: **140**	- Điểm nghe: **399** - Điểm đọc: **384** - Điểm viết: **149** - Điểm nói: **159**	- Điểm nghe: **400** - Điểm đọc: **385** - Điểm viết: **150** - Điểm nói: **160**	- Điểm nghe: **489** - Điểm đọc: **454** - Điểm viết: **179** - Điểm nói: **179**	- Điểm nghe: **490** - Điểm đọc: **455** - Điểm viết: **180** - Điểm nói: **180**
VSTEP	**5.0**	**5.5**	**6.0 (Bậc 4)**	**7.0**	**8.0**
TOEFL ITP	**450-474**	**475-499**	**500-524**	**525-549**	**550-677**
TOEFL iBT	**38**	**45**	**46-59**	**70**	**93**